

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-9-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Hữu Quang.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số nhà 351/2, Ấp 2, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1991, địa chỉ: Số nhà 351/2, Ấp 2, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trương Thanh T là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông T và bà N kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân Hưng. Ông T và bà N chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T và bà N không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Ông T và bà N không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông T quyết định ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông T và bà N có 01 con chung tên Trương Gia Huy, sinh ngày 07/9/2017, hiện nay con chung đang sống chung với bà N. Nếu được

ly hôn, ông T đồng ý để cho bà Nhân trực tiếp nuôi con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T và bà N không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông T cam kết ông T và bà N không có nợ chung.

Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Ngọc N kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay ông Tùng yêu cầu ly hôn với bà Nhân, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Trần Thị Ngọc N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Ngọc N.

[3] Ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Ngọc N chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Tùng và bà Nhân không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông Tùng và bà Nhân không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Bà Nhân không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông Tùng. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tùng, cho ông Tùng ly hôn với bà Nhân.

[4] Về con chung: Ông T và bà N có 01 con chung tên Trương Gia Huy, sinh ngày 07/9/2017. Ông T đồng ý để cho bà Nhân trực tiếp nuôi con, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Bà Nhân không có ý kiến gì về việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung đang sống chung với bà N, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho bà Nhân trực tiếp nuôi con, ông Tùng không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông Trương Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Bà Trần Thị Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Thanh T, cho ông Trương Thanh T ly hôn với bà Trần Thị Ngọc N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Gia Huy, sinh ngày 07/9/2017 cho bà Trần Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Trương Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Trương Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trương Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0007994, ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Trần Thị Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Ông Trương Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Ngọc N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

Võ Văn Tùng